

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-PT

Ngày : 10 - 4 - 2024

V/v tranh chấp thừa kế, hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán:

Ông Phạm Trường Thọ

Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan –
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2023/TLPT – DS ngày 04 tháng 12 năm
2023, về việc “Tranh chấp thừa kế và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của
Tòa án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2024/QĐPT-DS ngày
27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1950; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện
L, tỉnh Vĩnh Long;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trung Đ, địa chỉ: số A,
đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền ngày
27/6/2018 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1970 (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 7/6 ấp Tân Hiệp, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1950; địa chỉ: Số E ấp T, xã T, huyện L, tỉnh
Vĩnh Long (vắng mặt).

3.2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1951, địa chỉ: số G ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.4. Huỳnh Tấn P, sinh năm 1989 (vắng mặt).

3.5. Huỳnh Tấn P1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

3.6. Huỳnh Thị Ngọc T2, sinh năm 1997 (vắng mặt).

3.7. Bùi Kim T3, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 7 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long;

3.8. Lưu Vĩnh T4, sinh năm 1958; địa chỉ: D N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại hợp pháp của ông Lưu Vĩnh T4: Bà Lưu Vân T5; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3.9 Ông Huỳnh Tấn L, sinh năm 1967; địa chỉ: số F ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.9. Bà Huỳnh Phi Y, sinh năm 1985; địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.10. Ông Trương Quang H2, sinh năm 1975; địa chỉ: số B đường L, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.11. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.12. Ông Dương Huỳnh Thiện C, sinh năm 1983; địa chỉ: số C, đường B, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.14 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ; địa chỉ: Khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn vắng mặt).

3.15. Bà Dương Ánh N, sinh năm 1965, địa chỉ: số F ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.16. Anh Huỳnh Quốc T7, sinh năm 1984; địa chỉ: số F ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị D, ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2020, đơn khởi kiện thay đổi, bổ sung ngày 20/02/2022 của nguyên đơn Huỳnh Văn H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Trung Đ trình bày:

Cha mẹ của ông H là cụ Huỳnh Văn D1 (chết năm 2018) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 2009) có 06 người con gồm: Huỳnh Thị D, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị T1, Huỳnh Tấn L và Huỳnh Văn M. Ngoài ra không còn người con nào khác kể cả con nuôi. Cha mẹ ông tạo lập được khối tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 52m², loại đất thổ

+ Thửa số 37, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 163m²

+ Thửa số 38, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 60m², loại đất thổ

+ Thửa số 39, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 162m², loại đất NĐ

+ Thửa đất số 40 (thửa mới là 335-4), tờ bản đồ số 6 (tờ mới số 10), diện tích 39,6m², loại đất thổ;

+ Thửa đất số 41 (thửa mới là 335-3), tờ bản đồ số 6 (tờ bản đồ mới số 10), diện tích 139m² (diện tích đo đạc thực tế 138,9m²), loại đất PNK;

+ Thửa đất số 42 (thửa mới là 640), tờ bản đồ số 6 (tờ bản đồ mới số 10), diện tích 288m², loại đất thổ

+ Thửa 43 (thửa mới là 335-1 + 335-2), tờ bản đồ số 6 (tờ mới số 10), diện tích 2.056,1m² (đo đạc thực tế 2.109,2m), loại đất cây lâu năm,

+ Thửa số 1475, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.799,5m² loại đất cây lâu năm

Các thửa đất trên cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do hộ cụ Huỳnh Văn D1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Đối với các thửa đất số 36, 37, 38, 39, 1475 lúc còn sống cha mẹ đã tặng cho ông Huỳnh Tấn L, nay nguyên đơn không có tranh chấp các thửa đất này, đồng ý để ông L tiếp tục quản lý, sử dụng. Đối với thửa số 40 diện tích 39,6m², loại đất ở và thửa số 42 diện tích 288m² loại đất thổ lúc còn sống cụ D1 với cụ B đã tặng cho ông M nên đây là tài sản hợp pháp của ông M, không còn là di sản nên nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất này. Đối với thửa đất số 43, diện tích 2.056,1m² khi mẹ (cụ B) chết không để lại di chúc, cha (cụ D1) cao tuổi không đủ sức khỏe, trình độ hiểu biết hạn chế nên ông M đã lừa dối cha kêu cha ký tên vào hợp đồng tặng cho ông M quyền sử dụng thửa đất số 43 mà không thông qua các đồng thừa kế đến khi cơ quan Thi hành án dân sự huyện L đến kê biên phần đất di sản của cha, mẹ ông để thi hành án đối với số nợ của vợ chồng ông M gây ra thì ông H mới biết.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 41 (thửa mới 335-3) diện tích đo đạc thực tế 138,9m² và thửa 43 (thửa mới 335-1 + 335-2), diện tích đo đạc thực tế 2.109,2m² (trong đó thửa 335-1 diện tích 2.080,3m², thửa đất số 335-2 diện tích 28,9m²) cho 5 đồng thừa kế gồm: ông H, bà D, ông T, bà T1 và ông M, trong đó: ông H nhận thừa số 41 và 01 phần thừa số 335-

1, phần diện tích còn lại của thửa 335-1 chia đều cho bà D, ông T, bà T1 và ông M, thửa 335-2 trên đất có các ngôi mộ ông bà cha mẹ nên ông H, bà D, ông T, bà T1 và ông M đứng tên chung. Riêng ông L đã được cha mẹ tặng cho riêng và cũng đã khước từ nhận di sản nên không chia thừa kế cho ông L.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Văn M trình bày:

Ông thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và tài sản do cha mẹ tạo lập cũng như về các thửa đất đã tặng cho ông L. Ông thống nhất không có tranh chấp đối với phần tài sản cha mẹ đã tặng cho ông L.

Ông thừa nhận việc ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa số 40, 41, 42 và 43 là không hợp pháp. Nay Ông thống nhất chia thừa kế di sản của cha, mẹ để lại đối với các thửa đất trên theo yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông T, bà D, bà T1. Đối với yêu cầu độc lập của anh P, anh P1, chị T2, anh T3 thì ông không thống nhất. Ông đề nghị được chia một suất thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông Lưu Vĩnh T4 ông có ý kiến như sau: Vào ngày 11/11/2011 Ông có vay của ông Lưu Vĩnh T4 số tiền gốc là 80.000.000đ, việc ông ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa số 41 (thửa mới là 335-3) cho ông T4 nhằm là bảo đảm cho việc trả nợ, thực chất không có chuyển nhượng đất. Đến ngày 15/01/2014 ông T4 tố cáo ông ra Công an huyện Long Hồ, do sợ bị khởi tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông mới thống nhất trả cho ông T4 số tiền 200.000.000đ. Việc ký tên vào văn bản thỏa thuận ngày 15/01/2014 tại Công an huyện L là bị bắt buộc chứ ông ông có tự nguyện. Nay ông không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 41 cho ông T4. Đối với số tiền đã vay, ông đồng ý trả lại cho ông T4 số tiền gốc là 80.000.000đ và trả lãi kể từ ngày 11/11/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Tại đơn yêu cầu độc lập các ngày 04/12/2020, 14/12/2020, 17/12/2020, 22/12/2020, 28/10/2021, 25/02/2022 bà Huỳnh Thị D, ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị T1 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của các đương sự trên là ông Phạm Trung Đ trình bày:

Các ông, bà thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cha mẹ để lại, các thửa đất cha mẹ đã tặng cho ông L thì thống nhất không tranh chấp. Bà D, ông T và bà T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 40, 41, 42 và 43 cho 5 đồng thừa kế gồm: bà D, ông T, bà T1, ông H, ông M cụ thể:

- Thửa đất số 40 (thửa mới 335-4) cùng tài sản gắn liền trên đất và thửa đất số 42 (thửa mới 640) cùng tài sản gắn liền trên đất thì bà D, ông T, bà T1 và ông M cùng đứng tên chung.

- Thửa đất số 41 (thửa mới 335-3) và thửa 43 (thửa mới 335-1 và 335 -2) thì chia cho 05 đồng thừa kế gồm: ông H, bà D, ông T, bà T1 và ông M như sau: chia cho ông H thửa số 41 (thửa mới 335-3) và 01 phần thuộc thửa 43 (thửa số 335-1),

phần diện tích còn lại của thửa 335-1 chia đều cho bà D, ông T, bà T1 và ông M, phần đất thuộc 335-2 trên đất có các ngôi mộ ông bà cha mẹ nên chia cho ông H, bà D, ông T, bà T1 và ông M đứng tên chung.

* Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 17/12/2020 ông Huỳnh Tấn L trình bày:

Ông thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và tài sản do cụ D1 và cụ B tạo lập.

Theo ông di sản của cụ D1 và cụ B để lại chỉ có 02 thửa đất là thửa 40 và thửa 43. Các thửa đất khác cha mẹ đã tặng cho ông với ông M lúc còn sống nên không còn là di sản. Nay ông đồng ý giao căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa số 40 và phần mồ mã ông bà cho vợ chồng ông M quản lý sử dụng. Phần diện tích còn lại khoảng 1.888,1m² thuộc thửa số 43, ông yêu cầu chia đều cho 06 đồng thừa kế, mỗi người được nhận một suất tương ứng 314m² đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Tấn L rút lại yêu cầu độc lập, ông không yêu cầu được nhận một suất thừa kế, ông cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu chia thừa kế của anh chị em, đồng thời xin được vắng mặt không dự phiên tòa.

* Tại các đơn yêu cầu độc lập ngày 13/4/2022 và ngày 06/6/2022 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Tấn P, Huỳnh Tấn P1, Huỳnh Thị Ngọc T2, Bùi Kim T3 trình bày: anh, chị thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và tài sản do cụ D1 và cụ B tạo lập. Đối với các thửa đất số 36, 37, 38, 39, 1475 lúc còn sống cụ D1 và cụ B đã tặng cho ông L xong, nên không tranh chấp phần này, thống nhất lời trình bày của bà D, ông T, bà T1 về việc ông M đứng tên quyền sử dụng đất đối với các thửa số 40 (thửa mới là 335-4), thửa đất số 41 (thửa mới là 335-3), thửa đất số 42 (thửa mới là 640), thửa 43 (thửa mới là 335-1 + 335-2) là không hợp pháp.

Nay các anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn M với ông Trương Quang H2 đối với thửa đất số 42 (thửa mới là 640); Chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thửa số 40 (thửa mới là 335-4), thửa đất số 41 (thửa mới là 335-3), thửa đất số 42 (thửa mới là 640), thửa 43 (thửa mới là 335-1 + 335-2) cho 08 đồng thừa kế là ông H, ông T, bà D, bà T1, anh P, anh P1, chị T2 và anh T3. Các anh chị không đồng ý chia thừa kế cho ông M, riêng ông L cũng đã được tặng cho xong nên cũng không chia, cụ thể: Thửa (335-4) + thửa 604+ thửa (335-2) cùng tài sản gắn liền trên đất đề nghị được đứng tên chung gồm 08 đồng thừa kế như trên; Đối với thửa 335-3, thửa 335-1 thì chia đều cho 08 đồng thừa kế như trên. Các anh chị yêu cầu nhận bằng hiện vật.

* Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 01/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Vĩnh T4 do bà Lưu Vân T5 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 11/11/2011 ông T4 có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Huỳnh Văn M theo giấy ủy quyền của ông Huỳnh Văn D1 là cha ruột đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, có chứng

thực tại Phòng C1 đối với thửa đất số 41 diện tích 139m² loại đất PNK, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Nhưng đến ngày 11/11/2012 ông M có đề nghị với ông T4 là không giao đất mà để trả bằng tiền là 200.000.000đ, tuy nhiên sau đó ông M cũng không thực hiện. Đến ngày 15/01/2014 tại Công an huyện L ông M viết cam kết 03 tháng sau trả cho ông T4 số tiền 200.000.000đ nhưng sau đó lại cố tình tránh mặt không trả số tiền trên.

Nay ông T4 yêu cầu ông M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký ngày 11/11/2011 là giao cho ông T4 thửa đất số 41, trường hợp ông M không giao đất thì phải trả lại cho ông T4 số tiền vay gốc 200.000.000đ và tiền lãi 1,25%/tháng, tính từ ngày 11/11/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm là 100 tháng bằng số tiền 250.000.000đ.

* Tại bản khai ý kiến và đơn xin giải quyết vắng mặt cùng ngày 17/3/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Phi Y trình bày: Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 91/2016/DSPT ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long buộc ông M và bà H1 có trách nhiệm trả cho chị số tiền vốn và lãi tổng cộng là 797.000.000đ. Đến nay phía ông M, bà H1 chưa thanh toán cho chị bất kỳ khoản tiền nào. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất do ông M đứng tên, đồng thời xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Trương Quang H2, Nguyễn Thị T6, Dương Huỳnh Thiện C, Dương Ánh N, Huỳnh Quốc T7 không có văn bản trình bày ý kiến cũng không đến Tòa án giải quyết vụ kiện.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Huỳnh Tấn L đã rút.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm anh Huỳnh Tấn P1, anh Huỳnh Tấn P, chị Huỳnh Thị Ngọc T2, anh Bùi Kim T3 đối với yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn M với ông Trương Quang H2 đối với thửa đất số 42, (thửa mới là 640); Chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thửa số 40 (thửa mới là 335-4), thửa đất số 41 (thửa mới là 335-3), Thửa đất số 42 (thửa mới là 640), thửa 43 (thửa mới là 335-1 + 335-2) cho 08 đồng thừa kế là ông H, ông T, bà D, bà T1, anh P, anh P1, chị T2 và anh T3.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị D, ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị T1.

- Chia thừa kế cho ông Huỳnh Văn M được hưởng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 41 (Thửa mới là 335-3), tờ bản đồ số 6 (tờ bản đồ mới số 10), diện tích 139m²

(diện tích đo đạc thực tế 138,9m²), loại đất PNK và tài sản gắn liền trên đất; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc 13,14,15,18,19,20,13 (Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 08/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Vĩnh Long)

- Buộc ông Huỳnh Văn M chia thừa kế cho ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị D, ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người được hưởng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 41 (Thửa mới là 335-3), tờ bản đồ số 6 (tờ bản đồ mới số 10), diện tích 139m² (diện tích đo đạc thực tế 138,9m²), loại đất PNK tương ứng với số tiền là 27.085.500đ/người (Hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm đồng/người)

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lưu Vĩnh T4

Buộc ông Huỳnh Văn M có trách nhiệm trả cho ông Lưu Vĩnh T4 số tiền vay còn nợ tổng cộng tiền gốc và lãi là: 215.437.000đ (Hai trăm mười lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng); trong đó tiền gốc là 80.000.000đ, tiền lãi là 135.437.000đ

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Vĩnh T4 đối với yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết ngày 11/11/2011 tại Phòng C1 giữa ông Huỳnh Văn M là người đại diện theo ủy quyền của cụ D1 với ông Lưu Vĩnh T4 đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6, diện tích 139m², loại đất CDK; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/11/2011 tại Văn phòng C2 được ký kết giữa ông Huỳnh Văn D1 do ông Huỳnh Văn M làm đại diện với ông Lưu Vĩnh T4 đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6, diện tích 139m², loại đất CDK, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Buộc ông T4 có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Văn M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M122101, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 29211.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15/8/2000 cho ông Huỳnh Văn D1 tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6, diện tích 139m², loại đất CDK; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 09/9/2023 ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị D, bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Huỳnh Văn D1 với ông Huỳnh

Văn M lập ngày 26/10/2011, đưa thửa đất số 43, diện tích 2.056m² và thửa đất số 40, diện tích 39,6m² vào giải quyết chia thừa kế trong vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông H xác định, ông H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm đặt ra giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 43 diện tích 2.056,1m² đất trồng cây lâu năm và thửa 40 diện tích 39,6m² đất ở nông thôn, cùng tờ bản đồ số 6, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho ông H.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 289; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà D, ông T, bà T1, không chấp nhận kháng cáo của ông H về việc đặt ra chia thừa kế đối với thửa đất số 40 và 43, giữ nguyên bản án sơ thẩm, các đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tuyên án sơ thẩm đến ngày 09 tháng 9 năm 2023 ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị D, bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bà D, ông T và bà T1 là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Bà D, ông T và bà T1.

[2] Về nội dung

[2.1] Các đương sự trong vụ án thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh Văn D1 và cụ Nguyễn Thị B gồm 06 người: Huỳnh Thị D, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị T1, Huỳnh Tấn L và Huỳnh Văn M.

[2.2] Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ D1 và cụ B đều thống nhất thừa nhận, khi còn sống cụ D1 và cụ B có tạo lập khối tài sản chung gồm: quyền sử dụng đất các thửa 36 diện tích 52m², thửa số 37 diện tích 163m², thửa số 38 diện tích 60m², thửa số 39 diện tích 162m², thửa 40 diện tích 39,6m², thửa đất 41 diện tích 139m², thửa số 42 diện tích 288m², thửa 43 diện tích 2.056,1m² và thửa 1475 diện tích 1.799,5m² cùng tờ bản đồ số 6, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và tài sản gắn liền trên đất.

Đối với các thửa đất số 36, 37, 38, 39 và 1475 tất cả đương sự không tranh chấp, chỉ đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với các thửa đất 40, 41, 42 và 43. Tòa án cấp sơ thẩm xử, bác yêu cầu của đương sự về việc chia thừa kế thửa 42, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế thửa 41, riêng đối với thửa đất số 40 và 43 không đặt ra giải quyết, lý do: việc tranh chấp 02 thửa đất này đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 05/4/2014 chị Huỳnh Phi Y khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn M và những người trong hộ gồm: cụ Huỳnh Văn D1, bà Nguyễn Thị H1, anh Huỳnh Tấn P, anh Huỳnh Tấn P1, chị Huỳnh Thị Ngọc T2 thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 26/12/2011 là giao cho chị Y 02 căn nhà gắn liền trên 02 thửa đất số 40 và 43. Ông M cho rằng thực chất ông không có chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất trên cho chị Y, mà do ông vay của chị Y 500.000.000 đồng nên ký hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất để làm tin, sau đó ông không có khả năng trả nợ nên chị Y đã làm thủ tục sang tên 02 thửa đất qua chị Y, ông yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông sẽ trả lại cho chị Y 500.000.000 đồng tiền vốn và lãi theo quy định.

Qua nhiều lần xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Vĩnh Long, tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 91/2016/DSPT ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xử: Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 40, thửa 43 và sự thỏa thuận chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền trên đất ký kết ngày 26/12/2011 giữa chị Y với ông M; hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 40 và thửa 43 do UBND huyện L cấp cho chị Y; buộc ông M và bà H1 cùng có trách nhiệm trả cho chị Y 500.000.000 đồng tiền vốn và 297.000.000 đồng tiền lãi; ông M có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 43 diện tích 2.056,1m² đất trồng cây lâu năm và thửa 40 diện tích 39,6m² đất ở nông thôn, cùng tờ bản đồ số 6, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Như vậy, Bản án dân sự phúc thẩm số: 91/2016/DSPT ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, trong đó giải quyết công nhận cho ông M quyền sử dụng thửa đất số 40 và thửa đất số 43, đến nay bản án này không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm/tái thẩm.

Theo án lệ số 38/2020/AL về việc không thụ lý yêu cầu đòi tài sản đã được phân chia bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 13/8/2020 và được công bố theo Quyết định số 276/QĐ-CA ngày 02/10/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì “Sau khi tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đã được phân chia bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì có người khác (không phải là đương sự trong vụ án đó) khởi kiện đòi quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đó. Trong trường hợp này, Tòa không thụ lý vụ án mới. Người có yêu cầu đòi quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm theo quy định của pháp luật”.

Hội đồng xét xử xét thấy: tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế của ông H, ông T, bà D và bà T1 đối với thửa đất số 40 và thửa đất số 43 theo điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự” là đúng quy định, tuy nhiên trong phần quyết định của bản án sơ thẩm lại không tuyên phần này là thiếu sót nên cần phải sửa bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông H về việc đặt ra giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 40 và 43 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị D2 và bà Nguyễn Thị T1.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H.

Sửa bản án sơ thẩm số: 93/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Áp dụng các điều 192, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 12, 26, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị D, bà Nguyễn Thị T1 về việc đòi chia thừa kế các thửa đất số

43 diện tích 2.056,1m² (đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 40 diện tích 39,6m² (đất ở nông thôn), cùng tờ bản đồ số 6, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm như: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Tấn L đã rút; Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Huỳnh Tấn P1, anh Huỳnh Tấn P, chị Huỳnh Thị Ngọc T2, anh Bùi Kim T3; Chấp nhận một phần yêu cầu ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị D, ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị T1 chia thừa kế thừa đất 41; Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 41 giữa ông T4 với ông M, buộc ông M trả nợ cho ông T4; Chi phí tố tụng; Án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3 Án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị D, bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Văn phòng TAND tỉnh VL;
- TAND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long hồ;
- Đường sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi

